

Số: **33/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 22-5-2023

“V/v Ly hôn; Nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Ngân

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn; Nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 1994, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, Khu Phố 4, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2- **Bị đơn:** Ông **Hà Văn B**, sinh năm 1993 (Vắng mặt lần thứ hai)

Địa chỉ: Tổ 4, Khu Phố 4, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2022, các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Hà Văn B là vợ chồng, đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòn Thom, huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc) ngày 13-9-2017. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Hà Hậu N, sinh năm 2018.

Những năm gần đây bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là ông B vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, ngang nhiên quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác, hiện nay vẫn đang chung sống với người phụ nữ này. Bà A đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B không thay đổi mà còn ngang nhiên hơn, không quan tâm chăm sóc vợ con.

Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, bà A cũng đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông B ra Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc nhưng đã rút đơn kiện về vì muốn cho ông B cơ hội sửa chữa, để quay về chung sống đoàn tụ với vợ con, nhưng ông B không thay đổi được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân trầm trọng, hạnh phúc không đạt được. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Bà A yêu cầu ly hôn với ông Hà Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau một con chung là cháu Hà Hậu N, sinh ngày 19-10-2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng cam kết không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hà Văn B đã được Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt. Mặc dù ông B có mặt tại chỗ ở hiện nay, nhưng vẫn cố tình lánh mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà A được ly hôn với ông B.

Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu N cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con bà A không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Hà Văn B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà A, ông B là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Hà Văn B xin đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòn Thơm, huyện Phú Quốc (thành phố Phú Quốc) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13-9-2017, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A, ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án bà A xác định bà không thể tiếp tục chung sống với ông B, vì giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn với nhau được, tình trạng hôn nhân trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông B.

Xét yêu cầu của bà A Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà A xác định khi sống chung với ông B giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn là phù hợp với kết quả xác minh

tại địa phương nơi bà A, ông B sinh sống thì được biết bà A, ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lý do ông B ngoại tình với người phụ nữ khác bà A đã cho ông B nhiều cơ hội để sửa chữa, nhưng không thay đổi được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau đã lâu. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A và quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà A, ông B sống chung sinh được một người con là cháu Hà Hậu N.

Quá trình giải quyết vụ án bà A yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu N cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần, thể chất, trí tuệ của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về nợ chung: Bà A xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 39; 147; 227; 228; 238; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9; 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn ông Hà Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Hậu N, sinh ngày 19-10-2018 cho bà Nguyễn Thị Thúy A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi đủ trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về nợ chung: Bà A xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000877 ngày 05-01-2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, bà A đã thực hiện xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bà A, ông B vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- T.H.A DS thành phố Phú Quốc;
- UBND phường An Thới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Kim Ngân